

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHSPTN2 ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Giáo dục Tiểu học

Tiếng Anh: Primary Education

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học;

Mã số: 7140202

Tên gọi văn bằng: Cử nhân Giáo dục Tiểu học

Định hướng đào tạo: Nghề nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Vị trí việc làm:

- Giáo viên, cán bộ quản lý, tổng phụ trách Đội ở các trường tiểu học công lập và dân lập; các trường tư thục, trường song ngữ, trường quốc tế;

- Trợ giảng, giáo viên dạy nghề, cán bộ quản lý ở khoa tiểu học của các trường sư phạm; phụ trách chuyên môn ở phòng và sở giáo dục.

Khả năng học tập nâng cao trình độ:

- Có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học về giáo dục tiểu học và các lĩnh vực khác có liên quan.

- Có thể tiếp tục học sau đại học các chuyên ngành: Giáo dục học (tiểu học), Quản lý giáo dục, Lí luận và lịch sử giáo dục và một số chuyên ngành gần khác.

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: Tháng 9/2022.

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân sư phạm ngành Giáo dục tiểu học có phẩm chất đạo đức tốt; Có năng lực nghề nghiệp vững vàng để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục và các nhiệm vụ khác của người giáo viên tiểu học; tham gia công tác quản lý chuyên môn tại các tổ chức, cơ sở giáo dục hoặc các cơ quan quản lý giáo dục.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã	Mô tả
M1	Có phẩm chất chính trị và ý thức công dân, có ý thức rèn luyện nâng cao đạo đức và phong cách nhà giáo;
M2	Nắm vững các nội dung dạy học và giáo dục học sinh ở cấp tiểu học;
M3	Có khả năng tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ hiệu quả học sinh phát triển phẩm chất và năng lực qua các hoạt động giáo dục ở cấp tiểu học;
M4	Có khả năng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân và hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn, nghiệp vụ;
M5	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin trong các hoạt động nghề nghiệp;
M6	Có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học giáo dục trong bối cảnh trường tiểu học;
M7	Có khả năng quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn tại trường tiểu học;

Mã	Mô tả
M8	Có khả năng tư vấn về các vấn đề liên quan đến công tác dạy học và giáo dục học sinh tiểu học.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã	Mô tả
C1	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.
C2	Thể hiện ý thức tự học, tự rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất nhà giáo và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
C3	Khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ trong hoạt động chuyên môn.
C4	Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
C5	Tự rèn luyện và phát triển thể chất thông qua tập luyện một số môn thể dục thể thao.
C6	Vận dụng hiệu quả tri thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học, tri thức chuyên sâu về tâm lý học tiểu học, giáo dục học tiểu học để thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên tiểu học.
C7	Vận dụng được các tri thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nghệ thuật để thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên tiểu học.
C8	Xây dựng được kế hoạch học tập, bồi dưỡng phù hợp để phát triển chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.
C9	Xây dựng và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học, phù hợp với điều kiện thực tiễn phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.
C10	Vận dụng được các phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.
C11	Vận dụng thành thạo các phương pháp, hình thức, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
C12	Tư vấn, hỗ trợ hiệu quả cho đối tượng học sinh tiểu học thông qua hoạt động dạy học và giáo dục; Tư vấn được cho phụ huynh và quản lý nhà trường về các vấn đề liên quan đến dạy học và giáo dục học sinh tiểu học.
C13	Đề xuất và thực hiện được các biện pháp xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ trong trường tiểu học.
C14	Phát triển được mối quan hệ hợp tác với đồng nghiệp, phụ huynh và các bên liên quan khác để nâng cao hiệu quả dạy học và giáo dục học sinh tiểu học.
C15	Thực hiện được các nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh ở trường tiểu học.

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8
C1	x			x		x	x	
C2	x						x	
C3				x	x	x		

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8
C4				x	x	x		
C5	x	x	x	x	x	x	x	x
C6			x			x		x
C7		x	x			x		
C8		x		x			x	
C9		x	x				x	
C10		x	x				x	
C11						x	x	x
C12	x	x						x
C13	x		x					x
C14			x	x			x	x
C15					x	x		

2.3. Các chỉ số thực hiện

Chuẩn đầu ra	Chỉ số thực hiện
C1	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; - Vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận khoa học vào nhận thức và giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống; - Nhận diện được quan điểm sai trái, phản động và có thể đưa ra ý kiến phản biện trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học.
C2	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp hành các quy định về đạo đức sinh viên - Xây dựng kế hoạch tự học, tự rèn luyện
C3	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và sử dụng thành thực các ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ thích hợp để tổ chức hiệu quả hoạt động giáo dục ở trường tiểu học. - Sử dụng được các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và thiết bị công nghệ thông dụng vào giáo dục và quản lý học sinh tiểu học. - Sử dụng được các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và thiết bị công nghệ thông dụng để hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ.
C4	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các ý chính của một văn bản hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... - Có thể xử lý hầu hết các tình huống đơn giản yêu cầu sử dụng tiếng Anh xảy ra trong giao tiếp thường ngày; - Viết được văn bản tiếng Anh đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; - Sử dụng tiếng Anh để mô tả những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão, kế hoạch của bản thân và trình bày ngắn gọn các lý do liên quan.
C5	<ul style="list-style-type: none"> Đối với một số môn thể dục thể thao phổ biến: - Mô tả được các tác dụng, kỹ thuật cơ bản và quy định chính. - Thực hiện các động tác cơ bản đúng kỹ thuật và quy định; - Nghiêm túc, tích cực trong tập luyện các môn thể dục thể thao.
C6	Vận dụng được tri thức về tâm lý học, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm để thực hiện hiệu quả hoạt động giáo dục học sinh tiểu học.

Chuẩn đầu ra	Chỉ số thực hiện
	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được tri thức về lý luận dạy học, lý luận giáo dục để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và các nhiệm vụ khác của người giáo viên tiểu học ở trường tiểu học. - Xây dựng được kế hoạch tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp.
C7	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được hiểu biết nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội. - Vận dụng hiệu quả tri thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội trong công tác giảng dạy.
C8	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện ý thức tự học tự bồi dưỡng. - Xây dựng được kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng.
C9	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được hiểu biết về xây dựng và phát triển chương trình. - Xây dựng được và biết điều chỉnh các kế hoạch dạy học và giáo dục.
C10	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự hiểu biết về các phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực. - Vận dụng thành thạo lí thuyết về phương pháp vào thực tiễn giáo dục.
C11	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự hiểu biết về các phương pháp, hình thức, công cụ đánh giá sự phát triển của học sinh tiểu học. - Xây dựng được kế hoạch đánh giá HSTH với các phương pháp, hình thức phù hợp.
C12	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các nội dung, cách thức tư vấn hiệu quả cho học sinh, phụ huynh, quản lí Nhà trường về các vấn đề giáo dục và dạy học. - Xây dựng được các kế hoạch tư vấn, hỗ trợ học sinh tiểu học.
C13	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được hiểu biết về xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ. - Đề xuất được các biện pháp xây dựng môi trường giáo dục.
C14	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập được mối quan hệ hợp tác với cha mẹ/ người giám hộ. - Xây dựng các biện pháp để thiết lập mối quan hệ với cộng đồng.
C15	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các phương pháp nghiên cứu, cách thức thực hiện các nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng. - Thực hiện được ít nhất 01 hoạt động nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng.

3. Chuẩn đầu vào

Tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương; đạt ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT về ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Giáo dục đại cương <i>(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh)</i>	22
I.1	Giáo dục chính trị	11
I.2	Kiến thức đại cương	04
I.3	Ngoại ngữ	07
I.4	Giáo dục thể chất	03
II	Giáo dục chuyên ngành	113
II.1	Cơ sở ngành/nhóm ngành	13
II.2	Chuyên ngành	33
	- <i>Bắt buộc</i>	25

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
	- <i>Tự chọn</i>	08
II.3	Nghịệp vụ sư phạm	60
	- <i>Bắt buộc</i>	58
	- <i>Tự chọn</i>	02
II.4	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế	07
	TỔNG	135

5. Chiến lược dạy - học

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học: Phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực, thấm nhuần giá trị văn hóa dân tộc và trách nhiệm xã hội; Phát huy tối đa tiềm năng, hình thành tư duy mở, khả năng thích ứng nhanh chóng trước sự thay đổi; Hình thành khả năng học tập và làm việc trong môi trường đa văn hóa, khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học.

Các chiến lược dạy - học được ưu tiên sử dụng là:

(1) **Dạy học phân hóa** (Differentiated Instruction): Nội dung giảng dạy và hoạt động dạy - học khác nhau được tổ chức, điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm cá nhân của người học, giúp mọi người học có thể học tập hiệu quả bất kể sự khác biệt về khả năng của họ. Đánh giá quá trình được tăng cường sử dụng để đảm bảo các trải nghiệm học tập có thể được kịp thời điều chỉnh theo đặc điểm cá nhân người học.

(2) **Học tập tích cực** (Active Learning): Người học tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập. Bằng cách sử dụng các chiến lược học tập tích cực (như: làm việc nhóm nhỏ, đóng vai, nghiên cứu trường hợp điển hình,...), người học tăng thêm hứng thú và động lực học tập, phát triển tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, kỹ năng xã hội...

(3) **Học tập theo câu hỏi** (Inquiry-Based Learning): Người học đặt câu hỏi một cách tự nhiên hoặc được yêu cầu đặt câu hỏi về một chủ đề cụ thể. Người học tự mình nghiên cứu hay tham gia vào các hoạt động với sự cộng tác để theo đuổi và tìm câu trả lời, qua đó phát triển kiến thức hoặc giải pháp, rèn luyện kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề.

(4) **Học tập kết hợp** (Blended Learning): Người học thực hiện một phần quá trình học tập của mình trong môi trường kỹ thuật số độc lập và một phần trong môi trường lớp học trực tiếp. Người học được tạo cơ hội học tập theo thời gian cá nhân và có các tương tác trực tiếp để củng cố những gì họ đã học được.

(5) **Lớp học đảo ngược** (flipped classroom): Người học được cung cấp tài liệu học tập và hướng dẫn học tập, chủ động tìm hiểu các nội dung học tập và thực hiện các nhiệm vụ trước khi lên lớp theo yêu cầu và dưới sự hỗ trợ của người dạy.

(6) **Học tập hợp tác**: Tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm để người học hoàn thành nhiệm vụ chung hướng tới mục tiêu học tập. Người học có thể tận dụng các nguồn lực và kỹ năng của nhau, phát triển các kỹ năng hợp tác, giao tiếp và xã hội.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

6.1.1. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo được tổ chức theo khoá học, năm học và học kì.

b) Thời gian học tập chuẩn cho một khóa đào tạo là 4 năm. Thời gian tối đa để hoàn thành khoá học là 8 năm.

c) Một năm học có hai học kì chính và có thể có một học kì phụ.

Học kì chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi.

Học kì phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi, được tổ chức cho sinh viên học lại, học vượt hoặc học thêm các học phần ngoài chương trình đào tạo. Sinh viên đăng kí tham gia học kì phụ

trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc. Việc tổ chức học kì phụ được căn cứ vào tình hình cụ thể từng năm học.

Ngoài ra, còn một số tuần dành cho các hoạt động khác như học Giáo dục quốc phòng và an ninh, kiến tập, thực tập, nghỉ hè, nghỉ tết.

6.1.2. Phương thức tổ chức đào tạo

a) Hoạt động đào tạo được tổ chức theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của trường.

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

7. Cách thức đánh giá

7.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

7.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

7.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 (được làm tròn tới một chữ số thập phân). Các hình thức đánh giá, loại điểm thành phần và trọng số mỗi loại điểm thành phần được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

7.2.2. Đánh giá kết quả học tập theo học kì, năm học

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khoá học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khoá học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

8. Nội dung chương trình

8.1. Khung chương trình

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
I	Giáo dục đại cương		22						
I.1	Giáo dục chính trị								
1	Triết học Mác - Lênin	CT111	3	32	26			92	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CT112	2	21	18			61	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CT113	2	21	18			61	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT103	2	21	18			61	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	CT115	2	21	18			61	
I.2	Kiến thức đại cương								
6	Pháp luật đại cương	PL101	2	15	30			55	
7	Tin học	TH101	2	15	15	15		55	
I.3	Ngoại ngữ								
8	Tiếng Anh B1.1	TA101	3	30	15	15		90	
9	Tiếng Anh B1.2	TA102	2	15	15	15		55	
10	Tiếng Anh B1.3	TA103	2	15	15	15		55	
I.4	Giáo dục thể chất								
11	Giáo dục thể chất 1	TC101	1			30		20	
12	Giáo dục thể chất 2	TC102	1			30		20	
13	Giáo dục thể chất 3	TC103	1			30		20	
II	Giáo dục chuyên ngành								
II.1	Cơ sở ngành								
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	GT201	2	15	30			55	
15	Văn học dân gian Việt Nam	GT202	2	15	30			55	
16	Văn học thiếu nhi Việt Nam	GT211	3	30	30			90	
17	Sinh lý trẻ em lứa tuổi tiểu học	GT204	2	15	30			55	
18	Giáo dục hòa nhập học sinh tiểu học	GT212	2	15	30			55	
19	Tập hợp - Logic	GT215	2	15	30			55	
II.2	Chuyên ngành								
<i>Bắt buộc</i>									
20	Tiếng Việt 1	GT330	3	30	30			90	
21	Tiếng Việt 2	GT214	3	30	30			90	
22	Số học	GT213	3	30	30			90	
23	Xác suất - Thống kê	GT303	2	15	30			55	
24	Hình học sơ cấp	GT304	2	15	30			55	
25	Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội	GT217	3	30	30			90	
26	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	GT218	2	15		15	15	55	
27	Công tác Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh	GT219	2	15			30	55	

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
28	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	GT220	2	15		30		55	
29	Tiếng Anh chuyên ngành	GT221	3	30		30		90	
<i>Tự chọn (chọn 04 học phần trong 4 nhóm học phần)</i>									
Tự chọn 1 (chọn 1 trong 6)									
30	Tiếng Việt thực hành	GT102	2	15	30			55	
31	Ngôn ngữ học đại cương	GT307	2	15	30			55	
32	Từ Hán - Việt và sử dụng trong dạy học ở tiểu học	GT308	2	15	30			55	
33	Văn học thiếu nhi nước ngoài	GT309	2	15	30			55	
34	Phát triển ngôn ngữ cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm	GT222	2	15	30			55	
35	Phát triển năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ cho học sinh tiểu học	GT301	2	15	30			55	
Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 5)									
36	Các tập hợp số	GT302	2	15	30			55	
37	Dạy học toán ở tiểu học theo định hướng giáo dục STEM	GT305	2	15		30		55	
38	Đại lượng và đo lường	GT318	2	15	30			55	
39	Đại số sơ cấp	GT319	2	15	30			55	
40	Tổ chức hoạt động trải nghiệm toán học ở tiểu học	GT306	2	15	30			55	
Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 5)									
41	Sinh vật quanh ta	GT223	2	15	15	15		55	
42	Vật lý đại cương	GT329	2	15	30			55	
43	Hóa học đại cương	GT224	2	15	15	15		55	
44	Địa lý đại cương	GT327	2	15	30			55	
45	Tiến trình lịch sử Việt Nam	GT225	2	15	30			55	
Tự chọn 4 (Chọn 1 trong 5)									
46	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	GT326	2	15			30	55	
47	Kỹ thuật tạo hình cơ bản	GT226	2	15			30	55	
48	Âm nhạc thường thức	GT227	2	15			30	55	
49	Mỹ thuật thường thức	GT228	2	15			30	55	
50	Môi trường và con người	SH101	2	15	30			55	
II.3 Nghiệp vụ sư phạm									
<i>Bắt buộc</i>									
51	Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1)	TL501	2	15	30			55	

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
52	Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1)	GD501	2	15	30			55	
53	Tâm lí học tiểu học	GT401	2	15	30			55	
54	Giáo dục học tiểu học	GT402	2	15	30			55	
55	PPDH tiếng Việt ở tiểu học 1	GT408	3	30	30			90	
56	PPDH tiếng Việt ở tiểu học 2	GT335	3	30	30			90	
57	PPDH toán ở tiểu học 1	GT336	3	30	30			90	
58	PPDH toán ở tiểu học 2	GT337	3	30	30			90	
59	PPDH các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học 1	GT338	2	15	30			55	
60	PPDH các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học 2	GT339	2	15	30			55	
61	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học	GT340	3	30	30			90	
62	Phương pháp tổ chức hoạt động thể dục, thể thao cho học sinh tiểu học	GT341	3	30	30			90	
63	Công nghệ và PPDH công nghệ ở tiểu học	GT342	2	15	30			55	
64	Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc cho học sinh tiểu học	GT343	3	30			30	90	
65	Mĩ thuật và phương pháp giáo dục mỹ thuật cho học sinh tiểu học	GT344	3	30			30	90	
66	Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	GT345	2	15			30	55	
67	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục tiểu học	GT416	2	15	30			55	
68	Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu tiếng Việt - Văn học	GT346	2	15	30			55	
69	Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán học	GT347	2	15	30			55	
70	Thực hành SP 1	GT418	1				50		
71	Thực hành SP 2	GT419	1				50		
72	Thực hành SP 3	GT348	3				150		
73	Thực tập sư phạm 1	GT349	3				150		
74	Thực tập sư phạm 2	GT350	4				200		
<i>Tự chọn (Chọn 1 trong 5 học phần)</i>									
75	Vận dụng các tư tưởng giáo dục hiện đại trong dạy học ở tiểu học	GT351	2	15	30			55	
76	Dạy học tích hợp ở tiểu học	GT352	2	15	30			55	
77	Tư vấn trong giáo dục tiểu học	GT353	2	15	30			55	

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết	
				Lên lớp				Thực tập, thực tế		Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành				
78	Kỹ năng giao tiếp sư phạm	GT354	2	15	30			55		
79	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục tiểu học	GT417	2	15	30			55		
II.4	Khoá luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế									
80	Khóa luận tốt nghiệp		7					350		
	Các học phần thay thế									
	<i>Nhóm 1: Chọn 1 trong 3 học phần</i>		4							
81	Phát triển kỹ năng dạy học Tiếng Việt 1	GT511	4	30	60			110		
82	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	GT512	4	30	60			110		
83	Phát triển kỹ năng dạy học các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học	GT517	4	30	60			110		
	<i>Nhóm 2: Chọn 1 trong 3 học phần</i>		3							
84	Phát triển kỹ năng dạy học Tiếng Việt 2	GT514	3	30	30			90		
85	Phương pháp dạy học giải toán ở tiểu học	GT515	3	30	30			90		
86	Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	GT518	3	30	30			90		
	TỔNG CỘNG:		135							

8.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Mã học phần	Chuẩn đầu ra														
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
CT111	T														
CT112	T														
CT113	T														
CT103	T														
CT115	T														
PL101	T		T												
TH101															
TA101				T											
TA102				T											
TA103				T											
TC101					T										
TC102					T										
TC103					T										
GT201	U	T					T		I	I		I	I		
GT202	U	T					T					I			

Mã học phần	Chuẩn đầu ra														
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
GT211		T					T								
GT204		T					T		I	I		T	I		I
GT212		T				T			I	I		I	I		I
GT215		T					T				I				I
GT330		T					T			I	I				I
GT214		T					T			I	I				I
GT213		T					T			I	I				I
GT303		T					T			I	I				I
GT304		T					T			I	I				I
GT217		T					T			I	I		I		I
GT218	U	T				U	U	T	I	I	T	I	I		I
GT219	U	T				U	U			T	I	I	T		
GT220		T				U	U	T	T	T	I	I		I	I
GT221		T		T			U							I	I
GT102		T					T			I	I	I		I	I
GT307		T					T			I	I	I		I	I
GT308		T					T			I	I	I		I	I
GT309		T					T					I	I		I
GT222		T				U	U			T	I	I	I		
GT301		T				U	U			T		I	I		
GT302		T					T			I	I				I
GT305		T				U	U	I	T	T		I	I	I	I
GT318		T				U	T			I	I				I
GT319		T				U	T			I					I
GT306	U	T	U			U	U		I	T	I	I	I		
GT223		T			I		T			I			I		I
GT329		T					T			I			I		I
GT224		T					T			I			I		I
GT327		T					T			I			I		I
GT225		T					T			I					I
GT326		T			I	U	U			T		I	I		I
GT226		T	I				T			I					
GT227		T	I				T			I					
GT228		T	I				T			I					
SH101		T			I	I	T			I		I	I		
TL501		T				T									
GD501		T				T									
GT401		T				T		I	I	I	I	I	I		I
GT402		T				T		I	I	I	I	I	I		I
GT408		T				U	U	I	T	T	T				
GT335		T				U	U	I	T	T	T				
GT336		T				U	U	I	T	T	T				
GT337		T				U	U	I	T	T	T				
GT338		T				U	U	I	T	T	T				
GT339		T				U	U	I	T	T	T				

Mã học phần	Chuẩn đầu ra														
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
GT340		T				U	U	I	T	T	T				
GT341		T			U	U	U	I	T	T	T				
GT342		T	I			U	U		T	T	T		I		
GT343		T				U	U		T	T	T		I		
GT344		T				U	U		T	T	T		I		
GT345		T	I			U	U		T	T	T			I	
GT416	U	T	U	U		U	U		U	U	U	U	I		T
GT346		T				U	U	U	I	T	T	I			
GT347		T				U	U	U	I	T	T	I			
GT418		T				T	T		T	T					
GT419		T				T	T		T	T					
GT348		T				T	T		T	T					
GT349	U	T				T	T	I	T	T	T	T		T	
GT350	U	T				T	T	I	T	T	T	T		T	
GT351	U	T				U	U	T	I	T		I		I	
GT352	U	T				U	U			T				I	
GT353	U	T				T						T		I	
GT354	U	T				U	U	I		T		T	T	T	
GT417		T	T			U	U	I	I	I				I	I
GT510		T	U			U	U	I	I	I					T
GT511		T				U	U	T	I	T		I			
GT512		T				U	U		I	T		I			
GT517		T				U	U		I	T		I	I		
GT514		T				U	U	T	I	T		I			
GT515		T				U	U		I	T		I			
GT518		T				U	U		I	T		I	I		

9. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

Mã học phần	Năm, học kỳ							
	I		II		III		IV	
	1	2	3	4	5	6	7	8
CT111	3							
TA101	3							
TH101	2							
TC101	1							
GT201	2							
GT215	2							
GT217	3							
GT330	3							
Tổng cộng kỳ 1	18							
CT112		2						
PL101		2						
TA102		2						
TC102		1						
GT202		2						

Mã học phần	Năm, học kỳ							
	I		II		III		IV	
	1	2	3	4	5	6	7	8
GT346							2	
GT318							2	
GT223							2	
GT326							2	
GT417							2	
Tổng cộng kỳ 7							15	
GT350								4
GT510								7
Tổng cộng kỳ 8								11

10. Mô tả tóm tắt các học phần

10.1. *Triết học Mác – Lênin (3 tín chỉ)*

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng về triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của CNDV biện chứng và những nội dung cơ bản của CNDV lịch sử. Thông qua đó, nhằm trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các học phần Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, các môn khoa học lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn.

10.2. *Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2 tín chỉ)*

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản, hệ thống về các vấn đề kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin và giúp người học có khả năng lập luận, phân tích, đánh giá, vận dụng các kiến thức kinh tế chính trị cơ bản vào việc xem xét, giải quyết một vấn đề kinh tế cụ thể nảy sinh trong thực tiễn cũng như có khả năng tham gia thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Học phần là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin.

10.3. *Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)*

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, giúp sinh viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức của chủ nghĩa xã hội khoa học vào xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần có vai trò là nền tảng lý luận cho các môn học khác như: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

10.4. *Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)*

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, người học có khả năng vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, có mục tiêu, lý tưởng và bản lĩnh chính trị vững vàng.

10.5. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)*

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, qua đó nâng cao nhận thức lý luận và niềm tin đối với Đảng và sự lãnh đạo của Đảng. Học phần có mối quan hệ mật thiết với hệ thống các môn học lý luận chính trị vì đường lối của Đảng là sự vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác – Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

10.6. *Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)*

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng, từ đó người học có thể vận dụng kiến

thức về pháp luật để giải quyết những vấn đề pháp lí trong công việc, trong thực tiễn và hình thành ý thức tự giác trong tuân thủ pháp luật.

10.7. Tin học (2 tín chỉ)

Học phần tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tin học bao gồm: kiến thức cơ bản về máy tính; kiến thức về mạng máy tính và Internet; kiến thức và kỹ năng làm việc với các ứng dụng văn phòng.

10.8. Tiếng Anh B1.1 (3 tín chỉ)

Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; củng cố kiến thức ngữ pháp sinh viên đã học ở phổ thông; củng cố và nâng cao vốn từ vựng.

10.9. Tiếng Anh B1.2 (2 tín chỉ)

Nắm được kiến thức ngữ pháp cơ bản, kiến thức đất nước học, phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng công nghệ.

10.10. Tiếng Anh B1.3 (2 tín chỉ)

Nắm vững những kiến thức cơ bản của tiếng Anh và có thể truyền đạt những nhu cầu đơn giản và cơ bản. Có thể hiểu các câu và cấu trúc thông dụng về các lĩnh vực liên quan trực tiếp nhất. Có thể giao tiếp trong các công việc đơn giản và lặp lại đòi hỏi việc trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc và lặp lại. Có thể mô tả bằng từ ngữ đơn giản các khía cạnh về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

10.11. Giáo dục thể chất 1 (1 tín chỉ)

Học phần được cấu trúc gồm 2 phần: Lí thuyết và thực hành

- Phần lí thuyết trang bị cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực GDTC, những kiến thức Y – Sinh học TDDT, kiến thức về nội dung thể dục, điền kinh (tác dụng của thể dục đối với việc rèn luyện thân thể, chạy cự li trung bình), kiến thức về rèn luyện thân thể.

- Phần thực hành trang bị cho sinh viên những kỹ năng:

+ Thực hành các nội dung thể dục: Các bài tập đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục.

+ Thực hành nội dung chạy cự li trung bình.

+ Thực hành kiểm tra thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

10.12, 10.13. Giáo dục thể chất 2 (1 tín chỉ), giáo dục thể chất 3 (1 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: lí luận GDTC, chấn thương trong tập luyện và thi đấu TDDT, y – sinh học TDDT; kiến thức, kỹ năng tổ chức, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao (tự chọn) và trò chơi vận động.

Nội dung học phần GDTC 2, GDTC 3 bao gồm các môn thể thao (tự chọn), mỗi tín chỉ được chia làm hai phần: lí thuyết (06 tiết), thực hành (24 tiết).

10.14. Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học hệ thống tri thức cơ bản về văn hóa, bao gồm: các khái niệm, chức năng, loại hình, đặc điểm cơ bản của văn hoá Việt Nam; quá trình giao lưu văn hóa và kinh nghiệm lịch sử của cha ông trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; một số thành tố của văn hóa Việt Nam; tiến trình lịch sử và không gian văn hóa Việt Nam; thời cơ và thách thức mới trong phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay. Từ đó, người học có thể vận dụng tri thức về văn hoá vào thực tiễn dạy học và nghiên cứu ở trường tiểu học.

10.15. Văn học dân gian Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản và toàn diện về văn học dân gian Việt Nam, bao gồm: khái niệm, đặc trưng, hệ thống thể loại và tác phẩm tiêu biểu. Từ đó, người học có được kiến thức, kỹ năng cần thiết để học tập, nghiên cứu và vận dụng vào dạy học ở trường tiểu học.

10.16. Văn học thiếu nhi Việt Nam (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản và toàn diện về văn học thiếu nhi Việt Nam, bao gồm: những khái niệm cơ bản, quá trình hình thành và phát triển; một số thể loại và tác giả tiêu biểu. Từ đó, người học có được kiến thức, kỹ năng cần thiết để học tập, nghiên cứu

cứu và vận dụng vào dạy học ở trường tiểu học.

10.17. Sinh lí trẻ em lứa tuổi tiểu học (2 tín chỉ)

- Học phần tập trung nghiên cứu những qui luật hình thành và phát triển của các chức năng sinh lí của cơ thể trẻ em qua các lứa tuổi. Đồng thời môn học còn nghiên cứu về các đặc điểm giải phẫu sinh lí của trẻ em và thiếu niên cần thiết cho công tác của các nhà giáo dục.

- Học phần có mối quan hệ chặt chẽ và là kiến thức nền tảng cho các môn học Tâm lí học trẻ em.

10.18. Giáo dục hòa nhập học sinh tiểu học (2 tín chỉ)

- Học phần giới thiệu những vấn đề đại cương về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật: khái niệm, phân loại, nguyên gây khuyết tật ở trẻ em; đánh giá nhu cầu, khả năng TKT; đặc điểm, bản chất và tính tất yếu của phương thức giáo dục hòa nhập TKT,...

- Học phần trang bị những kiến thức cơ bản, cần thiết về hỗ trợ chăm sóc - giáo dục trẻ khuyết tật lứa tuổi tiểu học theo từng dạng tật (khiếm thị, khiếm thính, khuyết tật ngôn ngữ, khuyết tật trí tuệ và một số dạng khuyết tật khác) và việc tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập TKT ở trường tiểu học (chương trình, mục tiêu, nội dung, tiến trình, phương pháp, kĩ thuật giáo dục hòa nhập TKT theo dạng tật,...).

10.19. Tập hợp – Logic (2 tín chỉ)

Học phần tập trung vào các vấn đề cơ bản nhất của Toán học như Tập hợp, Quan hệ, Ảnh xạ cùng với các kiến thức cơ sở của logic Toán học bao gồm Logic mệnh đề, Logic vị từ và các nội dung cơ bản về suy luận, chứng minh Toán học. Từ đó, có thể vận dụng trong tất cả các nội dung khác của Toán học và đặc biệt là vận dụng trong các thao tác suy luận, chứng minh Toán học nói riêng và các thao tác tư duy nói chung. Học phần này đóng vai trò thiết yếu đối với tất cả các lĩnh vực Toán học, các cấp đào tạo có sử dụng Toán học.

10.20. Tiếng Việt 1 (3 tín chỉ)

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bản chất và chức năng của ngôn ngữ.

- Cung cấp những kiến thức đại cương về ngữ âm và ngữ âm học, các đơn vị ngữ âm, âm tiết tiếng Việt, hệ thống âm vị tiếng Việt, một số vấn đề liên quan đến ngữ âm học trong nhà trường (để học tốt, dạy tốt Học vần, Luyện từ và câu (từ láy), Chính tả (cách đánh dấu thanh), Tập đọc, Kể chuyện (phát âm đúng và hay).

- Cung cấp những kiến thức khái quát về từ vựng ngữ nghĩa học, từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt, một số vấn đề có liên quan đến từ vựng ngữ nghĩa học trong nhà trường (để học tốt PPDHTV, dạy tốt LT&C).

- Học phần có quan hệ gần gũi, trực tiếp với những kiến thức trong sách giáo khoa Tiếng Việt Tiểu học và các môn cơ sở ngành ngôn ngữ học.

10.21. Tiếng Việt 2 (3 tín chỉ)

- Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ loại, về câu, các cách liên kết câu để tạo thành đoạn văn, các biện pháp tu từ. Đây là những kiến thức sẽ được sử dụng để dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học, cụ thể là các phân môn như: Luyện từ và câu, Chính tả, Tập làm văn.

- Tiếng Việt 2 là môn học tiếp nối của Tiếng Việt 1. Đây là môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn chuyên ngành như: Tiếng Việt 1, Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1, 2.

10.22. Số học (3 tín chỉ)

- Học phần này trang bị cho người học kiến thức về các tập hợp số như số Tự nhiên, Số nguyên, Số hữu tỉ, Số thực và Số phức. Sau đó là những nội dung thiết yếu của số học như: Lí thuyết chia hết, lí thuyết đồng dư trong vành số nguyên, các hệ thống ghi cơ số.

- Nội dung của môn học là nền tảng lí thuyết để người học sau tốt nghiệp có thể vận dụng hiệu quả, trong vai trò của người giáo viên tiểu học, khi thực hiện chương trình môn Toán cấp tiểu học ở mạch kiến thức Số và các phép tính.

10.23. Xác suất - Thống kê (2 tín chỉ)

- Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản nhất của lý thuyết xác suất về biến cố ngẫu nhiên và xác suất. Từ đó, vận dụng những kết quả của lý thuyết xác suất để giải quyết một số bài toán tổng quát trong thống kê được đặt ra từ thực tế cuộc sống cũng như từ các lĩnh vực khoa học.

- Nội dung của môn học là nền tảng lý thuyết để người học sau tốt nghiệp có thể vận dụng hiệu quả, trong vai trò của người giáo viên tiểu học, khi thực hiện chương trình môn Toán cấp tiểu học ở mạch kiến thức *Một số yếu tố thống kê và xác suất*.

10.24. Hình học sơ cấp (2 tín chỉ)

- Học phần này trình bày khái lược kiến thức liên quan đến hình học, gồm: phương pháp tiên đề và việc xây dựng hình học Euclid bằng phương pháp tiên đề; các khái niệm đường, mặt, khối trong không gian Euclid và việc thực hiện phép đo kích thước của các đối tượng này.

- Nội dung của học phần là nền tảng lý thuyết để người học sau tốt nghiệp có thể vận dụng hiệu quả, trong vai trò người giáo viên tiểu học, khi thực hiện chương trình môn Toán cấp tiểu học ở mạch kiến thức *Hình học và đo lường*.

10.25. Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội (3 tín chỉ)

- Học phần giới thiệu một số kiến thức cơ bản về tự nhiên và xã hội: sinh học, vật lý, hóa học, địa lý, lịch sử, xã hội học.

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết để dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở tiểu học.

- Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở bắt buộc, có quan hệ mật thiết với các môn học về phương pháp dạy học các môn về Tự nhiên và xã hội ở tiểu học 1 và phương pháp dạy học các môn về Tự nhiên và xã hội ở tiểu học 2 (thuộc kiến thức nghiệp vụ) trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học.

10.26. Đánh giá trong giáo dục tiểu học (2 tín chỉ)

- Học phần giới thiệu một số khái niệm liên quan đến đánh giá, vai trò, chức năng, nguyên tắc, quy trình đánh giá trong giáo dục tiểu học. Môn học giới thiệu về nội dung, phương pháp, hình thức, các công cụ đánh giá và cách thực hiện hoạt động đánh giá trong giáo dục tiểu học.

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện hoạt động đánh giá trong giáo dục và trong dạy học ở trường tiểu học.

- Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, có quan hệ mật thiết với các môn học về phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học (thuộc kiến thức nghiệp vụ) trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học.

10.27. Công tác Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ sở khoa học ngành công tác Đội, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với thiếu niên và tổ chức Đội. Lịch sử phát triển của tổ chức Đội, các nguyên tắc, phương pháp, nội dung và hình thức hoạt động Đội.

- Trang bị các kỹ năng thực hành nghi thức, thực hành các hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh; kỹ năng và phương pháp làm việc của giáo viên - tổng phụ trách, phụ trách chi đội TNTP Hồ Chí Minh.

10.28. Phát triển chương trình giáo dục tiểu học (2 tín chỉ)

- Học phần tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số vấn đề lý luận về phát triển chương trình giáo dục tiểu học, đồng thời giúp sinh viên ứng dụng những hiểu biết, kiến thức thu được từ nghiên cứu lý luận vào thực hành phát triển chương trình giáo dục tiểu học.

- Học phần có mối quan hệ trực tiếp tới tất cả các thành tố của quá trình giáo dục tiểu học, bao gồm: mục tiêu giáo dục tiểu học, nội dung giáo dục tiểu học, phương pháp giáo dục học sinh tiểu học, hình thức giáo dục học sinh tiểu học, phương tiện giáo dục học sinh tiểu học, đánh giá sự phát triển của học sinh tiểu học.

10.29. Tiếng Anh chuyên ngành (3 tín chỉ)

- Đây là học phần tiếp nối các học phần Tiếng Anh trước đó (Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2,...), do đó, sinh viên đã có những kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng, có các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề quen thuộc.

- Môn Tiếng Anh chuyên ngành tập trung vào kỹ năng dịch chuyên ngành, giúp sinh viên củng cố, bổ sung thêm vốn kiến thức về chuyên ngành, và có hệ thống thuật ngữ riêng liên quan tới chuyên ngành Giáo dục tiểu học.

10.30. Tiếng Việt thực hành (2 tín chỉ)

- Tập trung vào những vấn đề cơ bản của tiếng Việt liên quan đến kỹ năng đọc hiểu văn bản, kỹ năng đọc thành tiếng, kỹ năng viết chữ, kỹ năng viết văn bản và kỹ năng nghe nói.

- Có mối quan hệ trực tiếp với việc sử dụng ngôn ngữ trong đời sống giao tiếp hàng ngày, đồng thời, đây là cơ sở để học các môn Tiếng Việt 1 và 2, các môn về PPDH Tiếng Việt ở Tiểu học.

- Đây là học phần kế tiếp và củng cố các kiến thức căn bản của Tiếng Việt được học ở phổ thông.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học về Tiếng Việt và các môn về PPDH trong chương trình.

10.31. Ngôn ngữ học đại cương (2 tín chỉ)

- Học phần này có liên hệ trực tiếp với việc dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

- Đây là môn học đại cương của Ngôn ngữ học, có quan hệ trực tiếp với các môn chuyên ngành như Tiếng Việt 1,2 và Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1, 2 trong chương trình đào tạo.

10.32. Từ Hán - Việt và sử dụng trong dạy học ở tiểu học (2 tín chỉ)

- Học phần tập trung làm rõ các đặc điểm của từ Hán Việt: ngữ âm, cấu tạo và việc tiếp nhận từ Hán Việt nhằm nâng cao kiến thức về từ, phục vụ việc giảng dạy Luyện từ và câu, Tập đọc ở tiểu học.

- Học phần nhằm phát triển năng lực dạy học mở rộng từ Hán Việt, dùng từ Hán Việt.

10.33. Văn học thiếu nhi nước ngoài (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống tri về tinh hoa văn học thiếu nhi thế giới với những tác gia, tác phẩm tiêu biểu. Từ đó, người học có được kiến thức, kỹ năng cần thiết để học tập, nghiên cứu và ứng dụng vào dạy học ở trường tiểu học.

10.34. Phát triển ngôn ngữ cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm (2 tín chỉ)

- Tập trung vào vấn đề: Phát triển ngôn ngữ cho học sinh tiểu học, giúp người học nhận thức được vai trò của ngữ âm với các bộ phận của ngôn ngữ, ý nghĩa thực tiễn của ngữ âm đối với việc dạy đọc (chính âm), dạy viết (chính tả). Vấn đề chuẩn hóa phát âm, thống nhất chính tả, xây dựng chữ viết và cải tiến chữ viết. Học phần tập trung vào hai phần chính: những vấn đề về ngữ âm tiếng Việt và chữ viết tiếng Việt, trên cơ sở đó đi tới vấn đề chuẩn hóa phát âm, đọc văn bản, chuẩn hóa chữ viết, luật chính tả hiện hành.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức về học vần, tập viết, chính tả,... và kỹ năng đọc, viết, nói, nghe trong chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Việt ở trường Tiểu học.

- Học phần là sự củng cố và phát triển các kiến thức và kỹ năng trong môn Tiếng Việt 1 và môn Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 ở Tiểu học.

- Có quan hệ chặt chẽ với những học phần: Tiếng Việt thực hành, Tiếng Việt 1, PPDH Tiếng Việt ở TH 1 trong chương trình.

10.35. Phát triển năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ cho học sinh tiểu học (2 tín chỉ)

- Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp, hội thoại và những nghi thức lời nói.

- Hướng tới thực hành những kiến thức cơ bản của ngôn ngữ và phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh tiểu học.

10.36. Các tập hợp số (2 tín chỉ)

Học phần này tập trung vào trình bày các vấn đề liên quan đến việc xây dựng các tập hợp số theo phương pháp tiên đề.

10.37. Dạy học Toán ở tiểu học theo định hướng giáo dục STEM (2 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho SV những hiểu biết về giáo dục STEM và việc dạy học môn Toán ở tiểu học theo định hướng này (theo các chủ đề).

10.38. Đại lượng và đo lường (2 tín chỉ)

Học phần tập trung vào việc giới thiệu khái niệm về đại lượng và đo lường (theo quan điểm cấu trúc đại số); tìm hiểu dạy học đại lượng và đo lường ở tiểu học.

10.39. Đại số sơ cấp (2 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đại số sơ cấp, gồm: Biểu thức đại số; Phương trình, hệ phương trình; Bất đẳng thức, bất phương trình. Trên cơ sở đó, SV vận dụng dạy học yếu tố đại số ở tiểu học.

10.40. Tổ chức hoạt động trải nghiệm Toán học ở tiểu học (2 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho SV những hiểu biết về dạy học trải nghiệm và việc tổ chức hoạt động trải nghiệm Toán học ở tiểu học theo từng mạch kiến thức trong chương trình.

10.41. Sinh vật quanh ta (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp nguồn thông tin, cơ bản, thiết thực về thế giới sinh vật quanh ta làm nguồn tài liệu giúp giáo viên tiểu học có đủ kiến thức để dạy môn “Cuộc sống quanh ta”, “Tìm hiểu tự nhiên” và tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

10.42 Vật lý đại cương (2 tín chỉ)

- Học phần tập trung vào cung cấp những kiến thức cơ bản về Vật lý đại cương và hình thành năng lực vận dụng kiến thức vật lý để giải thích các hiện tượng trong tự nhiên và cuộc sống hàng ngày.

- Học phần có quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng của chương trình tiểu học môn Tự nhiên và xã hội, môn Khoa học.

- Học phần có quan hệ chặt chẽ với môn học Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên cho học sinh tiểu học

10.43. Hóa học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần tập trung giới thiệu các vấn đề cơ bản về:

- Chất, tách chất và sự biến đổi của chất.

- Axit, bazơ, muối và các phản ứng trong cơ thể người.

- Các mỏ kim loại trên thế giới và ở Việt Nam.

- Một số vật liệu tự nhiên và nhân tạo.

- Năng lượng và các dạng năng lượng tự nhiên.

- Nước, vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên, sự ô nhiễm môi trường nước và các biện pháp xử lý ô nhiễm nước.

10.44. Địa lý đại cương (2 tín chỉ)

- Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về địa lý đại cương, gồm: khoa học vũ trụ, địa lý các châu lục, địa lý Việt Nam.

- Học phần này cung cấp một số kiến thức cơ sở nền tảng để sinh viên học tập môn PPDH khoa học xã hội ở tiểu học, là tiền đề để sinh viên dạy tốt môn Tìm hiểu xã hội cho học sinh tiểu học sau khi ra trường.

- Học phần có quan hệ chặt chẽ với môn học: PPDH khoa học xã hội ở tiểu học.

10.45. Tiến trình lịch sử Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về quá trình diễn biến của lịch sử dân tộc Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay trên hai phương diện cơ bản dựng nước và giữ nước và mối quan hệ của nó. Đó là quá trình hình thành các nhà nước đầu tiên trên lãnh thổ nước ta; cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc kéo dài hơn một nghìn năm lịch sử; quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến Việt Nam; quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc,

giành dân chủ, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, cùng những thành tựu nổi bật về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, những kinh nghiệm, bài học lịch sử qua các quá trình đó.

10.46. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học (2 tín chỉ)

- Học phần giới thiệu một số kiến thức cơ bản về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học: khái niệm, phân loại, ý nghĩa của kỹ năng sống; tầm quan trọng, mục tiêu; nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học; những kỹ năng sống cơ bản của học sinh tiểu học; phương pháp; hình thức giáo dục kỹ năng sống; cách thiết kế và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học trong môn Giáo dục lối sống ở tiểu học.

10.47. Kỹ thuật tạo hình cơ bản (2 tín chỉ)

- Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật tạo hình làm sản phẩm theo chủ đề, nội dung giáo dục hay lĩnh vực hoạt động kỹ thuật, bao gồm: kỹ thuật tạo hình giấy bìa (gấp, cắt, xé dán cơ bản, phối hợp và mở rộng), kỹ thuật làm đồ dùng, đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau; kỹ thuật cắt khâu thêu và nấu ăn trong gia đình, kỹ thuật trồng cây rau hoa và chăn nuôi, kỹ thuật lắp ghép mô hình.

- Học phần hình thành và phát triển ở người học năng lực tìm hiểu, liên hệ, vận dụng để thiết kế, xây dựng các nội dung và hoạt động nhằm giáo dục kỹ thuật cho HSTH gắn với đặc điểm HS lứa tuổi tiểu học, chương trình, nội dung và các hoạt động giáo dục trong nhà trường tiểu học.

10.48. Âm nhạc thường thức (2 tín chỉ)

- Học phần tập trung vào tìm hiểu nền âm nhạc trong và ngoài nước, đồng thời tìm hiểu về tính năng một số nhạc cụ phổ thông và cách thức tổ chức trò chơi âm nhạc.

- Có mối quan hệ trực tiếp với nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn âm nhạc.

- Có quan hệ chặt chẽ với môn học Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc cho học sinh tiểu học.

10.49. Mỹ thuật thường thức (2 tín chỉ)

- Học phần tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu gần hơn với mỹ thuật chuyên ngành.

- Học phần giúp sinh viên hiểu thêm về giá trị lịch sử mỹ thuật qua các giai đoạn phát triển.

10.50. Môi trường và con người (2 tín chỉ)

Học phần tập trung vào:

- Làm sáng tỏ một số khái niệm cũng như các nguyên lý sinh thái tạo nên sự vận động của hệ sinh thái gắn liền với hoạt động sống của con người.

- Đề cập đến vai trò của tài nguyên thiên nhiên, sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên - nguyên nhân và hậu quả.

- Phân tích áp lực của dân số và nhu cầu của con người lên tài nguyên thiên nhiên, môi trường.

- Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu - vấn đề lớn tác động đến mọi mặt trong cuộc sống toàn cầu hiện nay. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững là biện pháp hữu hiệu nhất để con người bảo vệ Trái đất.

- Học phần đồng thời trang bị cho người học kiến thức về giáo dục môi trường để có thể thực hiện được nhiệm vụ GDMT trong nhà trường.

10.51. Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1) (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những đặc tính cơ bản, đặc điểm, quy luật chung của tâm lí, ý thức con người như là đặc tính của bộ não và của sự phản ánh chủ quan về thế giới khách quan.

Học phần có quan hệ với các học phần khác trong CTĐT như: Triết học Mác-Lênin, Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm.

10.52. Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1) (2 tín chỉ)

Học phần bao gồm: những vấn đề chung về giáo dục và giáo dục học - một khoa học về giáo dục con người; những nhiệm vụ, nội dung giáo dục; công tác quản lí nhà trường; người giáo viên và lao động sư phạm của người giáo viên trong nhà trường phổ thông.

Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: Tâm lí học đại cương, Lí luận dạy học và lí luận giáo dục ở trường PT.

10.53. Tâm lí học tiểu học (2 tín chỉ)

- Tập trung vào các vấn đề: Lí luận chung về sự phát triển tâm lí học sinh tiểu học; các đặc điểm tâm lí cơ bản, hoạt động học và các dạng hoạt động khác của học sinh tiểu học; những nội dung cơ bản về tâm lí học dạy học và tâm lí học giáo dục tiểu học, nhân cách người giáo viên tiểu học.

- Có mối quan hệ trực tiếp với môn Giáo dục lối sống, hoạt động trải nghiệm, gián tiếp với các môn học khác ở trường tiểu học.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Tâm lí học đại cương, Giáo dục học tiểu học, Phương pháp dạy học môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học.

10.54. Giáo dục học tiểu học (2 tín chỉ)

- Tập trung vào những vấn đề lí luận dạy học; lí luận giáo dục trong nhà trường tiểu học và người giáo viên tiểu học.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kĩ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Các môn học, Kĩ năng dạy học và kĩ năng giáo dục.

- Tiếp nối các chương trình đào tạo trước: Kế thừa và có bổ sung thay đổi theo hướng tiếp cận năng lực.

- Có quan hệ chặt chẽ với môn học trong chương trình: Giáo dục học 1.

10.55. PPDH tiếng Việt ở tiểu học 1 (3 tín chỉ)

Học phần bao gồm những kiến thức lí luận chung về PPDH Tiếng Việt ở tiểu học (đối tượng, nhiệm vụ, cơ sở khoa học, chương trình môn học, nguyên tắc, phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học) và phương pháp dạy học kĩ thuật đọc và kĩ thuật viết: Học vần, Tập viết, Chính tả.

10.56. PPDH tiếng Việt ở tiểu học 2 (3 tín chỉ)

Học phần tiếp nối Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 cung cấp kiến thức nội dung, phương pháp dạy học kĩ năng đọc, viết, nói, nghe và kiến thức tiếng Việt: Tập đọc, Tập làm văn, Kể chuyện, Luyện Từ và câu.

10.57. PPDH Toán ở tiểu học 1 (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho SV những kiến thức thuộc phần lí luận chung về dạy học Toán ở TH theo định hướng phát triển năng lực (mục tiêu; nội dung; phương pháp; lập kế hoạch; kiểm tra-đánh giá; dạy học tình huống điển hình).

10.58. PPDH Toán ở tiểu học 2 (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho SV những kiến thức thực hành việc dạy học nội dung số và phép tính; hình học và đo lường; xác suất và thống kê; thực hành trải nghiệm; phương pháp giải toán ở tiểu học.

10.59. PPDH các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học 1 (2 tín chỉ)

- Học phần tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số vấn đề lí luận: Khái niệm, cơ sở khoa học, mục tiêu, nội dung, quan điểm xây dựng chương trình, phương pháp, hình thức

dạy học, phương tiện dạy học, cách thức đánh giá kết quả học tập các môn Tự nhiên và xã hội cho học sinh tiểu học; đồng thời, giúp sinh viên biết cách thiết kế các hoạt động dạy học trong môn học Tự nhiên và Xã hội, Khoa học ở tiểu học.

- Học phần có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Cơ sở khoa học tự nhiên và cơ sở khoa học xã hội; Phương pháp dạy học các môn về Tự nhiên và xã hội ở tiểu học 2.

10.60. PPDH các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học 2 (2 tín chỉ)

- Học phần tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số vấn đề lí luận mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp, hình thức dạy học các môn về Tự nhiên và xã hội cho học sinh tiểu học; đồng thời, giúp sinh viên biết cách thiết kế các hoạt động dạy học trong môn học Tự nhiên và xã hội, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

- Học phần có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Cơ sở khoa học tự nhiên và cơ sở khoa học xã hội; Phương pháp dạy học các môn về Tự nhiên và xã hội ở tiểu học 1.

10.61. Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học (3 tín chỉ)

- Học phần giới thiệu một số kiến thức cơ bản về đạo đức, mục tiêu, chương trình, phương pháp giáo dục, hình thức, phương tiện, kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học.

- Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kĩ năng cần thiết để thực hiện hoạt động dạy học môn Đạo đức ở trường tiểu học.

10.62. Phương pháp tổ chức hoạt động thể dục, thể thao cho học sinh tiểu học (3 tín chỉ)

Phương pháp tổ chức hoạt động thể dục, thể thao cho học sinh tiểu học là học phần được biên soạn theo chương trình đào tạo cho sinh viên chuyên ngành giáo dục tiểu học. Mạch kiến thức và kĩ năng trong chương trình học phần là sự kế thừa, bổ sung và phát triển từ chương trình trước đó, nội dung chương trình môn học bao gồm:

- Phần 1: Lí thuyết (gồm 9 chương), cuối mỗi chương đều có câu hỏi ôn tập và thảo luận chương nhằm định hướng cho người học sau khi kết thúc một chương.

- Phần 2: Thực hành (phương pháp dạy học GDTC cho học sinh tiểu học, thực hành giáo án dạy học thể dục, phương pháp tổ chức hoạt động GDTC và tổ chức kiểm tra, đánh giá và xếp loại trình độ thể lực cho học sinh tiểu học) trang bị cho sinh viên đầy đủ kĩ năng thực hành bài tập thể chất và các môn thể thao tự chọn trong chương trình GDTC tiểu học, giúp sinh viên tự tin vững vàng điều khiển và tổ chức giờ học GDTC.

10.63. Công nghệ và PPDH công nghệ ở tiểu học (2 tín chỉ)

- Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về công nghệ và mối quan hệ của nó với khoa học, kĩ thuật, vai trò công nghệ với đời sống; cách sử dụng một số sản phẩm công nghệ thông dụng trong gia đình

- Học phần trang bị kiến thức, kĩ năng cơ bản, cần thiết về tổ chức dạy học công nghệ trong trường tiểu học, bao gồm: đánh giá về vai trò, sự cần thiết của dạy học công nghệ cho HSTH, xây dựng mục tiêu, nội dung và môi trường dạy học công nghệ cho HS theo các chủ đề; lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phân công nghệ; thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học cho HS ở trường tiểu học.

- Học phần trang bị và phát triển các năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học công nghệ cho HSTH theo các dạng hoạt động/hình thức giáo dục đa dạng trong nhà trường tiểu học.

10.64. Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc cho học sinh tiểu học (3 tín chỉ)

- Trang bị kiến thức lí thuyết Âm nhạc cơ bản. Những khái niệm và hiểu biết về các phương tiện diễn tả âm nhạc như ca độ, trường độ, nhịp, quãng, điệu thức, giọng, hợp âm xác định giọng... Từ đó, ứng dụng vào ca hát, tập đọc nhạc từ lớp 1 đến lớp 5.

- Trang bị kiến thức về phương pháp dạy học âm nhạc cho tiểu học, các nguyên tắc dạy học bộ môn, cách sử dụng phương pháp dạy học âm nhạc để tổ chức các tiết học và hoạt động âm nhạc ngoại khóa cũng như thực hành xây dựng giáo án tiết học âm nhạc.

- Học phần có liên quan chặt chẽ với những môn: Âm nhạc, Đàn phím điện tử, Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong giáo dục Mầm non.

10.65. Mĩ thuật và phương pháp giáo dục mĩ thuật cho học sinh tiểu học (3 tín chỉ)

- Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về mĩ thuật căn bản, sinh viên có được phương pháp thực hành một số loại hình mĩ thuật trong chương trình mĩ thuật phổ thông, cung cấp kiến thức về lí luận giáo dục học bộ môn mĩ thuật, tâm lí tạo hình của lứa tuổi học sinh tiểu học. Sinh viên có được kiến thức và kĩ năng dạy học mĩ thuật, được thực hành sư phạm để có thể tổ chức được hoạt động dạy học mĩ thuật cho học sinh tiểu học.

- Học phần có quan hệ trực tiếp với chương trình giáo dục mĩ thuật cho học sinh tiểu học.

- Học phần có sự gắn kết chặt chẽ với môn Mĩ thuật trong chương trình đào tạo sinh viên sư phạm tiểu học.

10.66. Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học (2 tín chỉ)

- Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về chương trình hoạt động trải nghiệm ở tiểu học; hướng dẫn sinh viên thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học: tổ chức hoạt động dưới cờ, hoạt động câu lạc bộ, hoạt động sinh hoạt lớp, tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ đề,...

- Học phần có mối quan hệ trực tiếp tới Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

10.67. Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục tiểu học (2 tín chỉ)

Học phần tập trung hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số vấn đề lí luận về nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục tiểu học: phương pháp nghiên cứu, quan điểm tiếp cận, cách thức lựa chọn vấn đề và thực hiện đề tài nghiên cứu. Từ đó, giúp sinh viên có được tri thức lí luận và thực tiễn của phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành để thực hiện bài báo khoa học, tiểu luận, khoá luận, luận văn.

10.68. Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu tiếng Việt - Văn học (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu vấn đề bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Văn- Tiếng Việt:

- Tâm quan trọng của vấn đề bồi dưỡng học sinh năng khiếu tiếng Việt.

- Phát hiện học sinh giỏi và học sinh có năng khiếu Văn - Tiếng Việt.

- Bồi dưỡng học sinh giỏi và học sinh có năng khiếu Văn - Tiếng Việt.

Từ đó, phát hiện, bồi dưỡng được những học sinh có năng khiếu Văn- Tiếng Việt từ cấp tiểu học.

10.69. Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán học (2 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho SV những kiến thức cơ sở về việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán học; một số chuyên đề toán bồi dưỡng học sinh.

10.70. Thực hành sư phạm 1 (1 tín chỉ)

- Sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu về: 1/ Nhà trường tiểu học, bao gồm: chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức; nhiệm vụ và công việc cụ thể của các tổ chức, cá nhân trong nhà trường. 2/ Học sinh tiểu học, bao gồm: đặc điểm về tâm lí, sinh lí, tình cảm, nhận thức,... của nhóm học sinh, một số cá nhân học sinh tiêu biểu. 3/ Các hoạt động giáo dục trong trường tiểu học, bao gồm: hoạt động dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khác.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kĩ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Tâm lí học; Giáo dục học tiểu học; Giao tiếp sư phạm...

- Học phần kế thừa và có bổ sung thay đổi theo hướng tiếp cận năng lực.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học trong chương trình: Tâm lí học tiểu học; Giáo dục học tiểu học.

10.71. Thực hành sư phạm 2 (1 tín chỉ)

- Tập trung vào vấn đề: Thực hành công tác giáo viên chủ nhiệm lớp và tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kĩ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Tâm lí học; Giáo dục học tiểu học; Giao tiếp sư phạm.

10.72. Thực hành sự phạm 3 (3 tín chỉ)

Học phần gồm 3 phần:

Phần 1: Thực hành sự phạm môn Tiếng Việt

- Rèn những kỹ năng công cụ trong dạy học môn Tiếng Việt của người giáo viên tiểu học.
- Rèn các kỹ năng dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học: Học vần, Tập viết, Chính tả, Luyện từ và câu, Tập đọc, Tập làm văn, Kể chuyện.

Phần 2: Thực hành sự phạm môn Toán

- Tập trung vào hướng dẫn thiết kế hoạt động dạy học Toán cho học sinh tiểu học, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động dạy học Toán cho học sinh tiểu học.

Phần 3: Thực hành sự phạm môn Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội

- Tập trung vào hướng dẫn thiết kế hoạt động dạy học khoa học tự nhiên và xã hội cho học sinh tiểu học, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động dạy học khoa học cho học sinh tiểu học.

- Có mối quan hệ trực tiếp tới môn học Cuộc sống quanh ta, Tìm hiểu tự nhiên, Tìm hiểu xã hội ở tiểu học; có mối quan hệ trực tiếp tới Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

- Có quan hệ chặt chẽ với những học phần: Cơ sở khoa học tự nhiên và cơ sở khoa học xã hội, Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên ở tiểu học, Phương pháp dạy học khoa học xã hội ở tiểu học.

10.73. Thực tập sự phạm 1 (3 tín chỉ)

10.74. Thực tập sự phạm 2 (4 tín chỉ)

10.75. Vận dụng các tư tưởng giáo dục hiện đại trong dạy học ở tiểu học (2 tín chỉ)

Nội dung chính của học phần bao gồm: Các lý thuyết dạy học hiện đại và việc vận dụng các trong quá trình dạy học ở tiểu học. Các mô hình, phương pháp, kỹ thuật dạy học mới đang được thử nghiệm triển khai, áp dụng trong thực tiễn giáo dục tiểu học.

10.76. Dạy học tích hợp ở tiểu học (2 tín chỉ)

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dạy học tích hợp ở tiểu học, bao gồm: những khái niệm có liên quan tới dạy học tích hợp, xu thế dạy học tích hợp trên thế giới, các dạng thức tích hợp ở tiểu học, cách thiết kế bài học tích hợp, cách thức tổ chức dạy học tích hợp.

- Học phần có mối quan hệ trực tiếp tới tất cả các thành tố của quá trình giáo dục tiểu học, bao gồm: mục tiêu giáo dục tiểu học, nội dung giáo dục tiểu học, phương pháp giáo dục học sinh tiểu học, hình thức giáo dục học sinh tiểu học, phương tiện giáo dục học sinh tiểu học, đánh giá sự phát triển của học sinh tiểu học.

10.77. Tư vấn trong giáo dục tiểu học (2 tín chỉ)

- Học phần tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số kỹ năng tư vấn học đường cho học sinh tiểu học và tư vấn giáo dục cho phụ huynh, cộng đồng về giáo dục tiểu học.

- Học phần có mối quan hệ trực tiếp tới tất cả các thành tố của quá trình giáo dục tiểu học, bao gồm: mục tiêu giáo dục tiểu học, nội dung giáo dục tiểu học, phương pháp giáo dục học sinh tiểu học, hình thức giáo dục học sinh tiểu học, phương tiện giáo dục học sinh tiểu học, đánh giá sự phát triển của học sinh tiểu học.

10.78. Kỹ năng giao tiếp sự phạm (2 tín chỉ)

- Tập trung vào các vấn đề: Khái niệm, các nguyên tắc và các giai đoạn giao tiếp sự phạm; đặc điểm giao tiếp của học sinh phổ thông, các hình thức giao tiếp sự phạm ở trường phổ thông; các kỹ năng giao tiếp cơ bản; thực hành tổng hợp về giao tiếp sự phạm.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm; gián tiếp qua các môn học khác.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm, Lí luận dạy học và giáo dục ở trường phổ thông, Phương pháp dạy học môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

10.79. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục tiểu học (2 tín chỉ)

- Nội dung trọng tâm của học phần bao gồm: vai trò của việc UDCNTT trong dạy học ngày nay. Giới thiệu một số phần mềm chuyên dụng trong dạy học và ứng dụng các phần mềm này trong xây dựng bài giảng điện tử ở tiểu học.

- Học phần này là sự nối tiếp các học phần về lí luận giáo dục tiểu học, lí luận dạy học các môn học ở tiểu học, giúp hình thành cho sinh viên kiến thức và kĩ năng thiết kế và tổ chức dạy học dựa vào công nghệ thông tin.

10.80. Khoá luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

10.81. Phát triển kĩ năng dạy học Tiếng Việt 1 (4 tín chỉ)

- Học phần trang bị một số kiến thức tiếng Việt và PPDH Tiếng Việt liên quan tới phương pháp dạy học ba phân môn Tiếng Việt tiểu học: Chính tả, Kể chuyện, Tập làm văn.

- Học phần phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp, năng lực sáng tạo, năng lực dạy học kiến thức tiếng Việt.

10.82. Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học (4 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về định hướng dạy học môn Toán ở tiểu học, tập trung vào những vấn đề đổi mới của dạy học Toán ở tiểu học hiện nay.

10.83. Phát triển kĩ năng dạy học các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học (4 tín chỉ)

Học phần cung cấp hiểu biết và phát triển một số kĩ năng dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học: phân tích chương trình, sử dụng các phương pháp, kĩ thuật và hình thức dạy học, khai thác học liệu, phương tiện trong dạy học, thiết kế công cụ đánh giá, xây dựng kế hoạch dạy học và dạy học các chủ đề.

10.84. Phát triển kĩ năng dạy học Tiếng Việt 2 (3 tín chỉ)

- Học phần trang bị một số kiến thức tiếng Việt và PPDH Tiếng Việt liên quan tới phương pháp dạy học hai phân môn Tiếng Việt tiểu học: Tập đọc, Luyện từ và câu.

- Học phần phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp, năng lực tiếp nhận văn bản.

10.85. Phương pháp dạy học giải toán ở tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần tập trung vào việc trang bị cho SV những kiến thức về thực hành giải toán ở tiểu học (các phương pháp giải toán, các dạng bài vận dụng).

10.86. Phương pháp giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống cho học sinh tiểu học (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học kiến thức về giá trị sống, kĩ năng sống: khái niệm, phân loại, sự cần thiết và các hình thức giáo dục cho HSTH. Đồng thời, học phần giúp người học nắm vững mục tiêu, nội dung và các phương pháp, phương tiện giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống cho học sinh tiểu học và thực hiện được các hoạt động giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống trong nhà trường tiểu học.

11. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

11.1. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình đào tạo được triển khai thực hiện tuân thủ Quy định đào tạo đại học hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Trong đó:

11.1.1. Tổ chức lớp học

Sinh viên khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp ngành học và sau đó tham gia vào các lớp học phân:

a) Lớp ngành học

Lớp ngành học là lớp được tổ chức từ đầu khóa học bao gồm những sinh viên cùng khóa học và cùng ngành đào tạo. Mỗi lớp ngành học được bố trí một giảng viên làm cố vấn học tập.

b) Lớp học phân

Lớp học phần là lớp được tổ chức cho những sinh viên cùng học một học phần theo cùng thời khoá biểu, và được tổ chức dựa trên đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Dựa vào dự báo và kết quả thực tế về số lượng sinh viên đăng ký học trong mỗi học kỳ, nhà trường có thể tổ chức nhiều lớp học (hoặc không tổ chức lớp học) cho một học phần. Số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học được quy định phù hợp với tính chất của từng học phần và điều kiện thực tế của trường.

Khoa quản lý học phần có trách nhiệm chuyển danh sách sinh viên lớp học phần cho giảng viên giảng dạy học phần đó vào 2 thời điểm: Đầu học kỳ và sau khi có danh sách chính thức. Danh sách sinh viên chính thức của lớp học phần được chốt trong tuần thứ 6 của học kỳ chính và tuần thứ 3 của học kỳ phụ.

11.1.2. Đăng kí khối lượng học tập

a) Khối lượng học tập trong mỗi học kỳ

Khối lượng tối thiểu không ít hơn $2/3$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá $3/2$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

b) Đăng ký học

Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo lịch trình học dự kiến cho Chương trình đào tạo trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ giảng dạy, thời khóa biểu các lớp học, đề cương chi tiết và điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, dự kiến lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

- Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó. Nhà trường tổ chức 3 đợt đăng ký học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn. Đăng ký sớm được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ khoảng 1 tháng. Đăng ký bình thường được thực hiện khoảng 2 tuần trước thời điểm bắt đầu học kỳ. Đăng ký muộn được thực hiện trong khoảng 2 tuần lễ đầu của mỗi học kỳ hoặc trong tuần lễ đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp học.

- Riêng đối với học kỳ đầu tiên của khóa học, Nhà trường tổ chức đăng ký học tập đồng loạt cho các lớp, ngành học; sinh viên có thể đăng ký học bổ sung học phần hoặc học vượt trước ở đợt đăng ký muộn nếu điều kiện cho phép.

- Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của Chương trình đào tạo.

c) Đăng ký học lại

- Trường hợp thứ nhất: Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp sau cho đến khi đạt tối thiểu điểm D. Số lần học lại không hạn chế. Nếu học phần tương đương không còn mở lớp (do chương trình đào tạo thay đổi), sinh viên phải đăng ký học lại và tích lũy các học phần thay thế theo danh mục đã được trường công bố chính thức. Danh mục học phần thay thế do Trưởng đơn vị đào tạo đề xuất và được Hiệu trưởng ra quyết định công bố chính thức.

- Trường hợp thứ hai: Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

Đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy:

Ngoài hai trường hợp đăng ký học lại ở trên, sinh viên được phép đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác (nếu là học phần tự chọn) đối với các học phần có điểm từ D để cải thiện điểm trung bình tích lũy. Sinh viên học lại học phần nào phải nộp học phí học phần đó theo quy định của Nhà trường.

d) Rút bớt học phần đã đăng ký

Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký đối với năm học có 02 học kỳ chính, được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không muộn quá 5 tuần, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ và không muộn quá 2 tuần; đối với năm học có 03 học kỳ chính, được thực hiện sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không muộn quá 3 tuần. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0.

11.1.3. Xếp hạng học lực và năm đào tạo

a) Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

- Theo thang điểm 4:
 - + Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;
 - + Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;
 - + Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;
 - + Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;
 - + Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;
 - + Dưới 1,0: Kém.
- Theo thang điểm 10:
 - + Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;
 - + Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;
 - + Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;
 - + Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;
 - + Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;
 - + Dưới 4,0: Kém.

b) Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;
- Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;
- Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;
- Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$;
- Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$.

11.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng

11.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

11.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

11.2.3. Công bố công khai chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

11.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

HIỆU TRƯỞNG